

Nhận diện các chỉ tiêu và phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ

PRINT

EMAIL

TCKT cập nhật: 15/03/2007

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một trong các báo cáo tài chính mà các doanh nghiệp phải lập để cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng. Trước đây báo cáo lưu chuyển tiền tệ có thể được lập hoặc không tùy theo khả năng và điều kiện của doanh nghiệp, nhưng hiện tại, báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã trở thành báo cáo bắt buộc phải lập để cung cấp thông tin. Các vấn đề pháp lý liên quan đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được quy định trong luật kế toán, chuẩn mực kế toán (Chuẩn mực số 24) và thông tư hướng dẫn thực hiện (Thông tư 105/2003-TT-BTC ngày 04.11.2003).

Mặc dù báo cáo lưu chuyển tiền tệ có tác dụng quan trọng trong việc phân tích, đánh giá, dự báo khả năng tạo ra tiền, khả năng đầu tư, khả năng thanh toán,... nhằm giúp các nhà quản lý, các nhà đầu tư và những ai có nhu cầu sử dụng thông tin có những hiểu biết nhất định đối với hoạt động của doanh nghiệp nhưng nhận thức về tầm quan trọng cũng như lượng thông tin được chuyển tải từ các báo cáo này vẫn còn thực sự chưa rõ ràng thậm chí còn rất mơ hồ đối với nhiều người, ngay cả với những người làm công tác kế toán.

Bài viết này nhằm giải quyết một trong những thách thức đối với người đọc và người lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, đó là việc nhận diện các chỉ tiêu và phương pháp lập các chỉ tiêu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Như chúng ta đều biết, để lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ thì doanh nghiệp có thể lập theo một hoặc cả hai phương pháp: phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp. Tương ứng với mỗi phương pháp có mẫu báo cáo riêng, nhưng mẫu báo cáo của hai phương pháp chỉ khác nhau ở phần lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh.

Sau đây lần lượt đi vào tìm hiểu báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo từng phương pháp.

- Theo phương pháp trực tiếp: Đặc điểm của phương pháp này là các chỉ tiêu được xác lập theo các dòng tiền vào hoặc ra liên quan trực tiếp đến các nghiệp vụ chủ yếu, thường xuyên phát sinh trong các loại hoạt động của doanh nghiệp. Tần số phát sinh và độ lớn của loại nghiệp vụ kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến lưu chuyển tiền trong kỳ kế toán của doanh nghiệp.

+ Đối với hoạt động kinh doanh thì dòng tiền phát sinh chủ yếu liên quan đến hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và việc thanh toán các khoản nợ phải trả liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy các chỉ tiêu thuộc lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh thường bao gồm: tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác, tiền đã trả nợ cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ, tiền trả cho người lao động, tiền đã nộp thuế....

+ Đối với hoạt động đầu tư thì dòng tiền phát sinh chủ yếu liên quan đến việc mua sắm, thanh lý, nhượng bán TSCĐ; xây dựng cơ bản, hoạt động cho vay, mua bán các công cụ nợ của đơn vị khác, hoạt động đầu tư vào các đơn vị khác. Do vậy, các chỉ tiêu thuộc lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư thường bao gồm: thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu nợ cho vay, thu hồi các khoản vốn đầu tư vào đơn vị khác, chi mua sắm TSCĐ, xây dựng

cơ bản, chi cho vay, chi đầu tư vào các đơn vị khác.

+ Đối với hoạt động tài chính thì dòng tiền phát sinh chủ yếu liên quan đến các nghiệp vụ nhận vốn, rút vốn từ các chủ sở hữu và các nghiệp vụ đi vay, trả nợ vay. Do vậy các chỉ tiêu thuộc lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính thường bao gồm: tiền thu do chủ sở hữu góp vốn, tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, tiền vay nhận được, tiền trả nợ vay...

Ngoài ra nếu doanh nghiệp có sử dụng ngoại tệ trong giao dịch thì khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền và tương tiền bằng ngoại tệ khi lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng là một chỉ tiêu nằm trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp. Có thể mô tả dòng tiền vào, ra từ các hoạt động khác nhau qua sơ đồ tài khoản tổng quát như sau:

Qua sơ đồ trên có thể thấy rằng dòng tiền vào hoặc ra đồng thời liên quan đến cả 3 hoạt động: hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính. Nên để phân tích dòng tiền vào, ra gắn với từng hoạt động cần thiết phải phân loại nội dung của từng khoản thu, chi theo từng loại hoạt động. Đây chính là đặc điểm của phương pháp lập báo cáo theo phương pháp trực tiếp mà chúng ta đang đề cập. Theo chúng tôi, để thuận lợi và dễ dàng khi lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp, cần phân loại nội dung các dòng tiền vào, ra theo các bước:

Bước 1: Phân loại dòng tiền vào, ra gắn với các nhóm tài khoản theo sơ đồ trên.

Bước 2: Từ Bước 1 xác định dòng tiền vào, ra liên quan đến hoạt động tài chính – Đây là hoạt động có tần suất về nghiệp vụ liên quan đến tiền không nhiều và rất dễ nhận diện.

Bước 3: Nhận diện và xác định dòng tiền vào, ra liên quan đến hoạt động đầu tư – Các nghiệp vụ liên quan đến tiền của hoạt động đầu tư cũng có tần suất thấp, dễ nhận diện do tính đặc thù của nó.

Bước 4: Sau khi loại trừ dòng tiền vào ra của 2 hoạt động nêu trên, sẽ xác định nhanh chóng dòng tiền vào, ra của hoạt động kinh doanh.

Một vấn đề cần lưu ý đối với các doanh nghiệp nhỏ có khối lượng nghiệp vụ liên quan đến tiền phát sinh không nhiều thì dựa vào cách xác định như trên để thực hiện một lần vào cuối tháng; Đối với những doanh nghiệp lớn có khối lượng nghiệp vụ liên quan đến tiền phát sinh nhiều thì định kỳ 10 ngày nên dựa vào cách xác định như trên để thực hiện một lần, sau đó đến cuối tháng sẽ cộng dồn để xác định lưu chuyển tiền cho tháng (quý, năm).

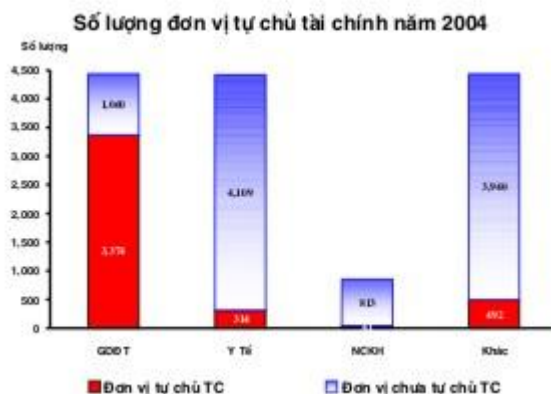
- Theo phương pháp gián tiếp: báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp theo quy định hiện nay chỉ thực sự gián tiếp ở phần lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh, còn 2 phần, lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư và lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính được xác định theo phương pháp trực tiếp – Việc xác lập như vậy cũng tỏ ra phù hợp bởi mục tiêu của phương pháp này là xác lập mối liên hệ giữa lợi nhuận với lưu chuyển tiền để giúp người nhận thông tin thấy rằng không phải doanh nghiệp có lãi là có tiền nhiều, doanh nghiệp bị lỗ thì có tiền ít hoặc không có tiền. Vấn đề là tiền nằm ở đâu, ở đâu ra và dùng cho mục đích gì, mà đã đặt trong mối liên hệ với lợi nhuận thì hầu hết lợi nhuận lại được tạo ra từ hoạt động kinh doanh.

Các chỉ tiêu thuộc lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp có thể nhận diện để

dàng qua công thức sau:

Lợi nhuận trước thuế = Doanh thu - Chi phí tạo ra doanh thu

= (Tiền + Nợ phải thu) - (Tiền + Hàng tồn kho + Chi phí trả trước phân bổ + Nợ phải trả + Khấu hao + Dự phòng + Chi phí lãi vay).



= Tiền (lưu chuyển) + Nợ phải thu – Hàng tồn kho – Chi phí trả trước phân bổ - Nợ phải trả – Khấu hao – Dự phòng – Chi phí lãi vay.

® Lưu chuyển tiền = Lợi nhuận trước thuế + Khấu hao + Dự phòng + Chi phí lãi vay + Hàng tồn kho – Nợ phải thu + Nợ phải trả + Chi phí trả trước phân bổ.

Qua công thức này thấy rằng, lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh nếu được xác định bắt đầu từ lợi nhuận trước thuế thì các chỉ tiêu điều chỉnh bao gồm: Khấu hao (điều chỉnh tăng), Dự phòng (điều chỉnh tăng), Chi phí lãi vay (điều chỉnh tăng), con các chỉ tiêu: Hàng tồn kho, Nợ phải thu, Nợ phải trả và Chi phí trả trước thì việc điều chỉnh tăng, giảm phụ thuộc vào số dư cuối kỳ và số dư đầu kỳ của các tài khoản nằm trong các chỉ tiêu này:

+ Đối với hàng tồn kho:

° Nếu SDCK – SDĐK tức là SDCK – SDĐK > 0: Điều chỉnh giảm (chứng tỏ có một bộ phận tiền được chuyển thành hàng tồn kho).

° Nếu SDCK – SDĐK tức là SDCK – SDĐK < 0: Điều chỉnh tăng (chứng tỏ có một bộ phận hàng tồn kho được chuyển thành tiền).

+ Đối với Nợ phải thu:

° Nếu SDCK – SDĐK tức là SDCK – SDĐK > 0: Điều chỉnh giảm (chứng tỏ có một bộ phận tiền được chuyển thành nợ phải thu).

° Nếu $SDCK - SDĐK < 0$: Điều chỉnh tăng (chứng tỏ có một bộ phận nợ phải thu được chuyển thành tiền).

+ Đối với Chi phí trả trước:

° Nếu $SDCK - SDĐK > 0$: Điều chỉnh giảm (chứng tỏ có một bộ phận tiền được chuyển thành chi phí trả trước).

° Nếu $SDCK - SDĐK < 0$: Điều chỉnh tăng (chứng tỏ có một bộ phận chi phí trả trước đã chuyển hóa thành tiền).

+ Đối với Nợ phải trả:

° Nếu $SDCK - SDĐK > 0$: Điều chỉnh tăng (chứng tỏ có một bộ phận nợ phải trả được chuyển thành tiền).

° Nếu $SDCK - SDĐK < 0$: Điều chỉnh giảm (chứng tỏ có một bộ phận tiền được dùng để thanh toán nợ phải trả).

Qua lý giải trên có thể thấy rằng, lưu chuyển tiền nghịch biến với sự biến động của hàng tồn kho, nợ phải thu, chi phí trả trước và đồng biến với sự biến động của nợ phải trả.

Ngoài ra do chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế bao gồm cả lợi nhuận của hoạt động đầu tư và lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện nên các chỉ tiêu này cũng được dùng để điều chỉnh khi xác định lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc nếu lãi thì điều chỉnh giảm, ngược lại lỗ thì điều chỉnh tăng. Đồng thời lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh còn liên quan đến một số nghiệp vụ khác không ảnh hưởng đến sự biến động của lợi nhuận trong mối quan hệ với lưu chuyển tiền nên cần được xác định thành các chỉ tiêu thu, chi khác nằm trong lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh.

Từ việc nhận diện các chỉ tiêu và lý giải cơ sở xác định từng chỉ tiêu như nói trên cho thấy việc hiểu và lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ thật ra không quá khó như nhiều người lầm tưởng, thậm chí có thể nói là khá đơn giản. Hơn nữa do hai phương pháp trực tiếp và gián tiếp chỉ khác nhau ở phần lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh nên nếu doanh nghiệp cùng một lúc lập theo cả hai phương pháp thì việc xác định lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh càng có điều kiện để đối chiếu, tạo ra được cân đối đúng đắn.

Vấn đề cần được đặt ra hiện nay là tự thân báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng như sự kết hợp báo cáo lưu chuyển tiền tệ với các báo cáo tài chính khác sẽ cung cấp cho người nhận thông tin các chỉ tiêu phân tích gì để nó có thể chứng tỏ và phát huy được tính hữu dụng của mình trong thực tiễn quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Chúng tôi sẽ nghiên cứu và đề cập vấn đề này trong các số báo tiếp theo.

PGS. TS. Võ Văn Nhị & TS. Nguyễn Xuân Hưng